

# NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA KINH SỐ

## QUYỂN HẠ

### PHẦN 3

**Kinh:** Bảy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại lần nữa nghĩa này mà nói kệ:

Giải thích: Tụng lại nghĩa trước, Dưới đây là phần hai - Kệ tụng tỏ lại. Trong đó chia làm ba phần: 1. Có một hàng, nói chung về Tam bảo; 1. có mười hàng rõ riêng về địa thứ mười; 3. Có một hàng. Kết. Phật Quả. Dưới đây là phần một - Tỏ chung về Tam bảo.

**Kinh:**

*Bồ-tát phục nhĩn kia  
Nơi pháp Phật nuôi lớn  
Kiên cố ba mươi tâm  
Gọi là Bất thối chuyển.*

Giải thích: Nói về nhĩn sở y nuôi lớn Thánh thai, kiên cố không thối Tín vị và tâm, kết ba bất thối.

Dưới đây là phần hai - Nói về địa thứ mười. Văn có mười phần: Dưới đây là phần một - Hoan hỷ Địa.

**Kinh:**

*Sơ chứng tính bình đẳng  
Mà sinh nhà chư Phật  
Do mới đắc giác ngộ  
Gọi là Địa Hoan hỷ.*

Giải thích: Bắt đầu, giác ngộ tức sở chứng sở sinh. Kết về tên gọi có thể biết.

Dưới đây là phần hai - Ly cấu Địa.

**Kinh:**

*Xa lìa mọi nhiễm ô*

*Các sân nhiều loại cấu  
Đủ giới Đức thanh tịnh  
Gọi là Địa Ly cấu.*

Giải thích: Sở ly, Sở đoạn, đủ giới đức. Dưới đây là phần ba - Phát Quang Địa.

**Kinh:**

*Diệt hoại vô minh ám  
Mà đắc các thiên định  
Sáng chói do Tuệ quang  
Gọi là Địa Phát Quang.*

Giải thích: Sở đoạn, Sở đắc, Định Tuệ tự tại. Dưới đây là phần hai - Diễm Tuệ Địa.

**Kinh:**

*Bồ-đề phân thanh tịnh  
Lìa xa Thân, Biên kiến  
Trí tuệ chiếu sáng tỏ  
Gọi là Địa Diễm tuệ.*

Giải thích: Sở tu, sở đoạn, Diễm Tuệ tăng thêm. Dưới đây là phần năm - Nan Thắng Địa.

**Kinh:**

*Như thật tri các đế  
Các kỹ nghệ thế gian  
Nhiều loại lợi quần sinh  
Gọi là Địa-nan thắng.*

Giải thích: Sở quán Sở tập, kết hợp hai lợi. Dưới đây là phần sáu- Hiện tiền Địa.

**Kinh:**

*Quán sát pháp duyên sinh  
Vô minh đến lão tử  
Thường chứng chúng sâu xa  
Gọi là Địa Hiện tiền.*

Giải thích: Sở quán sở chứng hiểu, rõ nhiễm tịnh. Dưới đây là phần bảy-Viễn hành Địa.

**Kinh:**

*Phương tiện Tam ma địa  
Thị Hiện vô lượng thân.  
Thiện xảo ứng quần sinh  
Gọi là Địa Viễn hành.*

Giải thích: Hạnh thù thắng tương ứng với Hiện thân thiện xảo.  
Dưới đây là phần tám - Bất động Địa:

**Kinh:**

*Trụ ở biển vô tướng  
Tất cả Phật gia trì  
Tự tại phá quân Ma  
Gọi là Địa chẳng động.*

Giải thích: Sở trú, Sở Khuyến (khuyến khích gia hộ), như văn trên.  
Phá quân Thiên Ma, rốt ráo ở Địa này. Dưới đây là phần chín-  
Thiện Tuệ Địa.

**Kinh:**

*Đắc bốn vô ngại giải  
Một âm diễn tất cả  
Người nghe đều hoan hỷ  
Gọi là Địa Thiện tuệ.*

Giải thích: Sở đắc, Sở lợi, sinh Hoan hỷ. Dưới đây là phần mười  
- Pháp vân Địa.

**Kinh:**

*Trí tuệ như mây dày  
Đầy khắp ở pháp giới  
Rưới mọi pháp cam lồ  
Gọi là Địa Pháp vân.*

Giải thích: Như mây đầy khắp, rưới xuống mưa như pháp. Dưới đây là  
phần ba - Kết. Quả vị Phật.

**Kinh:**

*Đầy đủ giới vô lậu  
Thường tịnh giải thoát thân  
Tịch diệt bất tư nghị  
Gọi là Nhất-thiết-trí.*

Giải thích: Nói “Mãn túc”: tức là cứu cánh nghĩa. Nói “vô lậu” là  
lậu đã vĩnh tận. “Giới”: nghĩa là Tạng vì gương trí bao hàm cả Đại  
công đức, hoặc nghĩa là Nhân, xuất sinh các Thừa làm lợi lạc rộng lớn.  
“Thường tịnh giải thoát thân”: là chuyển năm uẩn vô Thường, chứng  
được pháp Thường, là thanh tịnh pháp giới không có sinh diệt, tức là  
chơn giải thoát, Thể an lạc. “Tịch diệt bất tư nghị”: là Bồ-đề và Niết-  
bàn đều tịch diệt. Quả cứu cánh đó đều không thể nghĩ bàn vượt quá  
con đường suy tư nghị luận. “Gọi là Nhất-thiết-trí”: là nêu Trí kết về  
tên gọi.

Phần văn trên là mười ba pháp sư phụng trì.

Dưới đây là phần hai: Mười sáu Quốc vương phụng trì. Trong đó chia làm ba phần: 1. Các vua phụng Trì; 2. Nói về pháp hộ quốc; 3. Chư vương được ích.

Trong phần một. Các vua phụng Trì. Văn chia làm năm phần: 1. Nói pháp hộ quốc; 2. Nói bảy Nạn; 3. Nguyên nhân các Nạn; 4. Đức của Bát-nhã; 5. Giáo hưng phế.

Trong phần một văn lại chia làm hai phần: 1. Thời hộ quốc; 2. pháp được trao.

Văn phần một lại chia làm hai phần: 1. Thời hộ quốc.

**Kinh:** Phạt bảo vua Ba-tư-nặc: Sau khi Ta diệt độ, lúc pháp sắp diệt, vì tất cả hữu tình tạo nghiệp ác làm cho các quốc độ khởi lên nhiều loại tai họa.

Giải thích: “Ta diệt độ”: là nêu chung về thời gian. “Khi pháp sắp diệt”: Nhất thể, biệt tướng, đều là thường trú, còn trú trì Tam bảo, thì thời có suy diệt, ngược lại là hiển bày bất diệt. Có tu hành là Thời tốt, không có các nạn. “Tất cả hữu tình tạo Ác nghiệp”: là do pháp suy diệt mà mười ác tăng. “Khiến khởi lên nhiều loại tai nạn ở các Quốc độ”: do bởi mười ác tăng mà có nạn khởi lên, giải thích theo phép triển chuyển dẫn đến.

Dưới đây là phần hai - Khuyên vua trì đọc.

**Kinh:** Vua của các nước, muốn hộ tự thân, Thái tử, vương tử, hậu phi, quyến thuộc, trăm quan, trăm họ, tất cả quốc độ, nên thọ trì Bát- nhã Ba-la-mật đa này, sẽ đều được an lạc.

Giải thích: Khuyên các vua đề cao pháp thù thắng này, mỗi vị đều tự trì đọc đều được An lạc. Dưới đây là phần hai - Pháp được trao gửi. Trong đó có bốn phần: 1. nói về pháp được trao gửi.

**Kinh:** Ta lấy kinh này trao gửi cho Quốc vương, không trao cho Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Giải thích: :Chỉ có Quốc vương mới có khả năng dựng xây chánh pháp nên lấy kinh trao gửi, không trao gửi hạng khác.

Dưới đây là phần hai - Trưng hỏi nguyên do.

**Kinh:** Nguyên do là sao?

Giải thích: Vì nguyên nhân gì mà không trao gửi người khác.

Dưới đây là phần ba - Giải thích ý không trao.

**Kinh:** Không có oai lực của Vua thì không thể dựng lập.

Giải thích: Những hạnh khác đều nương dựa vào vua, không có lực để kiến lập. Dưới đây là phần bốn - Kết. Khuyên thọ trì.

**Kinh:** Do đó, các nông thường nên thọ trì, đọc tụng, giải nói.

Giải thích: Vua tự thọ trì giáo hóa phổ cập đến cỏ cây, tôi, dân đối thiện, tai nạn tự trừ tức là Hộ quốc vậy.

Dưới đây là phần hai - Nói rộng bảy nạn. Trong đó chia bốn phần.

1. Cảnh sở hóa; 2. Nói bảy nạn; 3. Liệt kê các Nạn; 4; Kết. Khuyên thọ trì. Trong phần cảnh sở hóa vẫn lại chia làm hai phần: 1. Nói chung về hóa cảnh; 2. Nói riêng về châu Thiệm Bộ. Dưới đây là phần một - Nói chung về hóa cảnh.

**Kinh:** Đại vương! Ta nay hóa đại thiên thế giới, trăm ức Tu Di, trăm ức nhật nguyệt, mỗi một Tu Di có bốn thiên hạ.

Giải thích: Nêu chung đại thiên là nói về hóa cảnh. Dưới đây là phần hai. Nói về Thiệm Bộ. Trong đó chia làm ba phần: Dưới đây là phần một. Nói chung các nước.

**Kinh:** Châu Thiệm Bộ này, mười sáu nước lớn, năm trăm nước vừa, mười vạn nước nhỏ.

Giải thích: “Châu Thiệm Bộ này”: là theo tên cây mà đặt tên. Hình lớn nhỏ, thân lượng, thọ lượng, tác nghiệp thú quả ở châu này, như thường đã phân biệt rõ. “Mười sáu nước lớn”: đến phần sau sẽ kê tên.

Hỏi: kinh cũ chỉ nói là mười ngàn nước nhỏ, ở đây lại nói là mười vạn nước nhỏ, sao nhiều vậy ư?.

Đáp: Kinh cũ thường dùng nơi giáo đạt đến (phổ cập) mà luận. Vì sao biết vậy? Như kinh Kim Quang Minh phẩm thứ sáu phẩm Hộ quốc nói: Châu Thiệm Bộ này, tám vạn bốn ngàn thành ấp tụ lạc, tám vạn bốn ngàn các Vua Người, mỗi vị đều ở nước họ hưởng các khoái lạc, đều đắc tự tại, cho đến từ Bi khiêm nhường tăng trưởng thiện căn, nhờ nhân duyên ấy mà an Lạc giàu vui. Đây tuy thừa nhỏ, có gì làm lạ, bản tiếng phạm khác nhau, mỗi bản đều vẫn như vậy.

Dưới đây là phần hai - Có nạn thọ trì.

**Kinh:** Trong các nước ấy, nếu bảy nạn dấy khởi, tất cả Quốc vương vì để trừ nạn mà thọ trì giải nói Bát-nhã Ba-la-mật đa này.

Giải thích: Trong các nước ấy nếu thường thọ trì thì nạn quyết không dấy khởi. Hoặc có nạn được thoát thì chỉ có thọ trì. Nhà nhà làm Thiện thì điều vui lành có dư.

Dưới đây là phần ba - Nạn trừ, an lạc.

**Kinh:** Bảy nạn liền diệt, quốc độ an lạc.

Giải thích: Như văn đã rõ. Dưới đây là phần hai - Chính nêu về bảy Nạn. Trong đó chia làm hai phần: 1. Vua Ba-tư-nặc hỏi.

**Kinh:** Vua Ba-tư-nặc nói: Bảy Nạn là gì?

Giải thích: Hối: Dưới đây là phần hai - Như Lai chánh đáp. Trong đó chia làm bảy phần: 1. Nạn nhật nguyệt bạc thực (Nhật thực, nguyệt thực).

**Kinh:** Phật bảo một là: Nhật nguyệt thất độ, nhật sắc biến đổi, sắc trắng, sắc đỏ, sắc vàng, Sắc đen, hoặc hai, ba, bốn, năm mặt trời cùng chiếu. Hoặc sắc mặt trăng biến đổi. Sắc đỏ, sắc vàng. Nhật Nguyệt bạc thực hoặc có trùng luân. Một, hai, ba, bốn, năm trùng luân hiện.

Giải thích: Trong văn có năm thứ: thất độ, màu sắc biến đổi, tăng nhiều mặt trời, nhật nguyệt bạc thực và trùng luân, như văn đã rõ.

Dưới đây là phần hai - Nạn các sao biến đổi.

**Kinh:** Hai là tinh thần (các sao) thất độ, sao Chổi, sao Mộc, sao kim, sao Thủy, sao Thổ... các sao mỗi mỗi sao đều biến đổi, hoặc lúc ban ngày lại xuất hiện.

Giải thích: Trong văn có bốn: Thất độ, Sao chổi, năm sao thay đổi, và hiện ra ban ngày. Như văn đã rõ. Dưới đây là phần ba - Nạn các lửa thiêu đốt.

**Kinh:** Ba là lửa rông, lửa quỷ, lửa người, lửa cây, lửa lớn, bốn bề đầy khởi thiêu đốt vạn vật.

Giải thích: Trong văn có năm thứ: Lửa nóng là sấm sét khởi lửa. Lửa quỷ là có thể làm ra bệnh ôn dịch. Lửa Người là những người đắc Ngũ Thông, gặp trái duyên hiện tại, ý muốn khởi lửa. Lửa cây là khi hạn hán nóng bức quá mức, cây gỗ khởi lửa. Lửa lớn bốn bề khởi là nghiệp bất thiện chín mùi, tùy nơi mà lửa khởi thành ra là Nạn.

Dưới đây là phần bốn - Nạn khí hậu biến đổi.

**Kinh:** Bốn là Thời tiết biến đổi, nóng lạnh bất thường, đông thì mưa sấm chớp, hạ thì tuyết băng sương, mưa đất đá núi, cùng những sỏi cát mưa đá phi thời, mưa nước đỏ, nước đen, sông ngòi lụt lội, đá chảy, núi trôi.

Giải thích: Trong văn có sáu thứ: 1. Thời tiết biến đổi; 2. Mùa đông mùa hè, mỗi mùa có ba thứ lạ; 3. Mưa đất Đá núi: kinh chánh pháp Niệm quyển hai mươi nói: Vua A-tu-la chiến tranh với Chư Thiên hoặc nâng đá lớn vuông vút tám trăm dặm hoặc lấy núi lớn tên là Ba lợi khứ rộng năm trăm do tuần, ném đánh với chư Thiên nhờ oai lực của Trời liền ở trong không, bắn tên khiến đá bị tan vỡ hoặc dùng lửa thiêu diệt, tiếp ngọn núi lớn đó đánh lại A-tu-la quân A-tu-la bị hung ác phá tan, chạy tán loạn xuống dưới biển, về núp ở cung điện của mình cá lớn ở biển đều sợ hãi chạy tán loạn, mưa đất, đá núi là tương tự như vậy; 4. Mưa đá trái thời; 5. Nước mưa đổi màu; 6. Mưa quá mức lớn làm sông

ngồi lụt lội. Đá trôi núi nổi.

Dưới đây là phần năm - Nạn gió lớn khởi.

**Kinh:** Năm là gió bão khởi lên, che mờ nhật nguyệt, tốc nhà, đổ cây cát bay đá chạy.

Giải thích: Câu đầu là nêu chung, ba câu sau là nạn, như văn đã rõ.

Dưới đây là phần sáu - Nạn trời đất hạn hán.

**Kinh:** Sáu là: hạn hán, sông kiệt hồ cạn, cỏ cây chết khô, lúa gạo không thành.

Giải thích: Nêu nạn như trên. Lúc đó là Năm thứ hai đời Vĩnh Thái, năm canh Ngọ tháng sáu mùa hạ, trời không có mưa, cầu núi, sông Xuyên sấp quá mùa mà vẫn không ứng nghiệm, kể đến đây, thẹn mình không có năng lực bèn để quyển kinh trước mặt quán trưởng lâu dài, thành tâm cáo bạch. Lúc đó, ngẫu nhiên tế hội, hiệu nghiệm lạ kỳ. Chư Thiện nghe được đến gần hỏi han. Tháng đó ngày ba mươi có chiếu chỉ của Vua viết: “Nhân vương chơn kinh, nghĩa tông Hộ quốc, Sư diễn thuật diệu chỉ, hoằng Thệ càng sâu, liền được mây từ kết bóng, mưa pháp chảy nhuần. Lúc mùa xanh tươi. Cả năm được mùa, công phu chí thành, rất đáng khen ngợi”. Đó thật ra là do minh Chúa chí Đạo, đại thần tin sâu, sự gia hộ bởi từ lực của Bồ-tát năm phương.

Dưới đây là phần bảy - Nạn bốn bề giặc đến.

**Kinh:** Bảy là bốn phương giặc đến, xâm lăng trong ngoài, chiến tranh phát khởi trăm họ chết chóc.

Giải thích: Nêu nạn như trên, phần trên gồm bảy đoạn văn, riêng thì có hai mươi chín thứ.

Dưới đây là phần ba - Liệt bày các Nạn.

**Kinh:** Đại vương! Ta nay lược nêu các nạn như vậy, trong đó có: Mặt trời ban ngày không hiện. Mặt trăng ban đêm không hiện. Trời nhiều loại tai: không có mây, mưa, tuyết. Đất nhiều loại tai: nứt nẻ động đất, hoặc lại máu chảy, quỷ thần xuất hiện, chim thú quái lạ, tai nạn như vậy, vô lượng vô biên.

Giải thích: Trong văn có năm thứ: 1. Nhật nguyệt không hiện; 2. Trời nhiều loại tai ách; 3. Đất nhiều loại tai ách; 4. Quỷ thần xuất hiện; 5. Chim thú quái lạ. “Tai nạn như vậy,..” là liệt kê nhiều thứ khác. Các điềm chẳng lành cầu vòng trắng, đen. Sói cạp lông hành, sâu bọ hại cây cỏ, nhiều loại nạn cho nước cho nhà.

Dưới đây là phần bốn - Kết. Khuyên thọ trì.

**Kinh:** Mỗi một tai nạn dấy khởi, đều cần phải thọ trì đọc tụng giải

nói Bát-nhã Ba-la-mật đa này.

Giải thích: :Nói “Mỗi một”; là tai nạn không kể là lớn hay nhỏ đều khuyên thọ trì, đọc tụng giả thuyết. Ở trên đã nói bảy nạn liền diệt, quốc độ an lạc, cho nên ở đây chỉ khuyên không nói diệt thôi.

Dưới đây là phần ba - Nói về Nhân của các nạn. Trong đó chia làm ba phần: 1. Vua Ba-tư-nặc hỏi

**Kinh:** Bấy giờ! Mười sáu Quốc vương nghe Phật đã nói, thấy đều kinh sợ. Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: Thế Tôn! Vì sao trời đất có những tai nạn ấy?

Giải thích: “Mười sáu Quốc vương”; Thánh chúng tuy nghe những đã vượt qua sự sợ hãi. Còn các Vua vì nước mình, nên đều kinh sợ. Vì vậy mà Vua Ba-tư-nặc phát lời hỏi đó.

Dưới đây là phần hai - Thế Tôn chánh đáp

**Kinh:** Đại vương! Do châu Thiệm bộ, quốc ấp lớn nhỏ, tất cả dân chúng bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, sa môn, Bà-la-môn, Quốc vương, đại thần không hành chánh pháp.

Giải thích: “Do Châu Thiệm Bộ” là nêu chung. Ở bốn đại châu tai nạn khác nhau; như kinh Chánh Pháp Niệm quyển mười tám nói: ở Đông phát bà đề, người ở châu đó, không tu pháp hành thì rồng dữ Tăng trưởng gồm rồng Sấm lớn, như núi lớn đổ hoặc chớp tia sáng, rồng hiện trong mây, giống như mây đen, cổ có ba đầu, hoặc làm thân rắn. tâm họ yếu mềm thấy việc ấy đều bị bệnh khổ mà suy nảo. Ở Tây Cù Đà Ni tâm chúng sanh ướt át, không tu pháp hành, bị rồng dữ phi pháp, ở vùng hẻo lánh hiểm trở giáng mưa lớn làm tất cả nước bị vẩn đục người uống nước ấy thì bị suy yếu buồn khổ. Ở Bắc Uất đôn việt như cõi trời thứ hai. Nếu người thế gian đó, bất hiếu cha mẹ thì rồng dữ tự tại khởi mây đen lớn, giống như núi đen, che kín mặt trời. Hoa sen liền khép lại không có mùi thơm mất ánh sắc vàng. Ở núi Tăng ca xa, chim hót tiếng thô xấu, họ thấy việc ấy sầu não sợ hãi, trong mây khởi gió thổi bay các tiếng âm nhạc âm nhạc tan mất không còn thích thú. Ở trong Diêm-phù-đề gồm có bốn duyên: 1. Đói khát; 2. Chiến tranh; 3. Gió độc; 4. Mưa dữ. Do những duyên đó mà bỏ mất thân mệnh. Đó là nói chung.

“Quốc ấp lớn nhỏ”: là nêu về sự khác nhau.

Có sáu duyên: 1. Bất hiếu với cha mẹ, là người sinh ra thân mình; 2. Bất kính Sư trưởng là người thành tựu đức mình; 3. Bất kính sa môn là phước điền lành; 4. Bất kính Bà-la-môn là người có chí hướng tu đạo; 5. Quốc vương không hành chánh pháp; 6. Đại thần không hành chánh pháp. Có một trong sáu điều đó thì tai nạn sẽ sinh nếu đủ cả sáu điều

thì tai nạn luôn khởi.

Dưới đây là phần ba - Kết. Các nạn khởi.

**Kinh:** Do các ác đó, nên có nạn ấy hưng khởi.

Giải thích: Văn dễ, đã rõ. Dưới đây là phần bốn - Đức của Bát-nhã.

Trong đó có hai phần: 1. Đức Bát-nhã; 2. Khuyên phụng trì.

Trong phần Đức Bát-nhã văn chia làm hai phần: 1. Có đủ các Đức;

2. Nêu dụ làm rõ. Dưới đây là phần một - Có đủ các đức.

**Kinh:** Đại vương! Bát-nhã Ba-la-mật-đa có thể xuất sinh tất cả pháp của chư Phật, tất cả pháp giải thoát của Bồ-tát, tất cả pháp vô thượng của Quốc vương, tất cả pháp xuất ly của Hữu tình.

Giải thích: “Bát-nhã Ba-la-mật”: là chỉ bày thể của pháp. Tiếp nữa là nói về mẹ của Phật, chư Bồ-tát là pháp giải thoát. Tiếp nữa chư Quốc vương nguyện hộ quốc là vô Thượng pháp bảo, không có gì bằng. Sau cùng là tất cả hữu tình nếu xưng tên hoặc lại với kinh thọ trì đọc tụng thì chắc chắn được xuất ly.

Dưới đây là phần hai - Nêu dụ giải thích thành. Trong đó có ba phần: 1. Nói chung dụ về Thể; 2. Hiến riêng về Đức thù thắng; 3. Kết Bát-nhã. Dưới đây là phần một - Nói chung dụ về thể.

**Kinh:** Như báu Ma ni, thể đủ các đức.

Giải thích: “Như”: nghĩa là nêu dụ. Tiếng phạm gọi là Ma Ni tiếng Hoa gọi là Bảo, (báu) thuận theo cách dịch cũ, dịch mới là Mạt-ni-cụ-túc, đúng thì Chấn-di-mạt-ni tiếng Hoa là Tư duy bảo. Hội ý dịch là Như ý Bảo Châu, tùy ý sở cầu đều là mãn túc. “Thể đủ các đức”: là nêu các Đức ở phần sau:

Dưới đây là phần hai - Hiến bày riêng về đức thù thắng.

**Kinh:** Có thể ngăn giữ được rồng độc, các quỷ thần ác, làm toại lòng người, thỏa mãn sự mong muốn, có thể ứng với Luân vương, gọi là ngọc Như ý, có thể khiến các đại Long vương như Nan đà, Bạt Nan đà... giáng xuống mưa ngọt, cỏ cây tươi tốt. Nếu ở đêm tối, đặt ngọc báu ấy trên chỗ cao, ánh sáng soi cả trời đất, sáng như mặt trời mọc.

Giải thích: “Ngăn chặn được rồng độc”: là đức trấn rồng quỷ dữ. nghĩa là ngọc báu Ma ni bảo trấn các rồng độc, làm ngừng lặng mưa gió dữ trấn quỷ thần dữ, không hành ôn dịch, không làm phi pháp giết hại hữu tình. “Làm toại lòng người”; là đức thỏa mãn mong cầu của người: nghĩa là ngọc Ma Ni, nếu có người mong cầu về áo quần, ăn uống, đồ trân bảo, đều có thể được. “Có thể ứng với Luân vương”: là đức châu ý Luân vương. Nghĩa là Ma ni bảo ứng với chuyển Luân vương, theo ý của vương cần gì được nấy. “Có thể khiến các...”: là đức của rồng giáng

mưa ngọt: nghĩa là Ma ni bảo có thể khiến cho Nan Đà (tiếng Hoa dịch là Hỷ) Bạt Nan Đà (tiếng Hoa dịch là Hiền Hỷ) các Đại Long vương tùy thuận pháp hành, giáng xuống mưa ngọt, cỏ cây xanh tươi. “Nêu ở đêm tối”: là đức ánh sáng quang chiếu thiện địa. nghĩa là Ma ni bảo, vào đêm tối đặt ở trên chỗ cao chiếu sáng khắp cả như mặt trời mọc.

Dưới đây là phần ba - Kết. Bát-nhã

**Kinh:** Bát-nhã Ba-la-mật đa này cũng lại như vậy.

Giải thích: Nghĩa là: Bát-nhã này có đủ các đức kê trên, có thể trấn giữ tin, hiểu, trấn rỗng ác ba độc các quỷ năm kiến của tất cả hữu tình. Lại nữa, nếu Người thọ trì đọc tụng tất cả những điều mong cầu; Quan vị; giàu có, con cái, Tuệ giải đều được tùy ý. Quả báo cõi Trời cõi người đều được thỏa mãn.

Lại nữa, đó tức chính là chư Phật pháp vương, Bồ-đề Niết-bàn vô thượng ý châu vì bởi từ trong Tịnh pháp giới lưu xuất...

Dưới đây là phần hai - Kết. Khuyên phụng trì, trong đó chia làm bốn phần: 1. Khuyên vua cúng dường.

**Kinh:** Chư vương các ông, nên làm cờ báu và dùng phướn, lọng thấp đèn rải hoa, cúng dường rộng lớn.

Giải thích: Xây dựng đạo tràng, tỏ lòng cung kính. Dưới đây là phần hai - Nơi đặt kinh.

**Kinh:** Dùng hộp báu đựng kinh, đặt ở bàn báu.

Giải thích: Hộp báu, bàn báu; là tỏ sự tôn trọng.

**Kinh:** Nếu khi sắp đi, thường kinh đi trước.

Giải thích: Khi vua muốn đi, thường để kinh này dẫn dắt đi trước. Nghe nói các xứ có Phật pháp ở phương Tây, Quốc vương các nước đều dùng Bát-nhã làm vật báu trấn quốc, Nếu vua xuất hành để kinh đi trước thì cả nước không có tai nạn.

Dưới đây là phần bốn - Trú xứ cúng dường.

**Kinh:** Trú xứ hiện tại làm trưởng bảy báu, các báu làm tòa, đặt kinh ở trên, cúng dường nhiều loại, như thờ cha mẹ, cũng như chư Thiên phụng sự để Thích.

Giải thích: “Trú xứ hiện tại”: là chỗ đặt kinh. văn để hiểu đã rõ. Dưới đây là phần năm - Giáo hưng phước. Trong đó có hai phần: 1. Nhân giáo hưng khởi.

**Kinh:** Đại vương! Ta thấy tất cả vua người ở các nước, đều do quá khứ cúng dường năm trăm Phật, cung kính cúng dường đắc làm đế vương. Tất cả Thánh nhân được đạo quả, sinh đến nước đó, làm lợi ích lớn.

Giải thích: Như văn dễ hiểu. Dưới đây là phần hai - Các nạn khởi.

**Kinh:** Nếu vua hết phước, vô đạo, thì Thánh nhân bỏ đi, tai nạn tranh khởi.

Giải thích: Như văn dễ hiểu. Dưới đây là phần hai - Pháp Hộ quốc. Có ba phần: 1. Người hộ quốc; 2. Pháp hộ quốc; 3. Thế Tôn ẩn thuật. Trong phần hộ quốc, văn có hai phần: 1. Phật khiến Hộ quốc; 2. Bồ-tát kính thờ, văn phần một lại có ba phần: 1. Cáo thị chư vương; 2. Răn bảo chư Bồ-tát; 3. Làm tượng cúng dường. Dưới đây là phần một - Cáo thị các vua.

**Kinh:** Đại vương! Nếu đời vị lai, có các Quốc vương, kiến lập chánh pháp, hộ trì Tam Bảo, thì ta khiến chúng Bồ-tát Ma-ha-tát ở năm phương đến hộ trì nước đó.

Giải thích: “Kiến lập chánh pháp”. Đây có hai loại: 1. Thế gian chánh pháp, như kinh Kim Quang Minh nói: Cai trị như pháp; 2. Xuất thế chánh pháp: là các pháp giải thoát do chư Phật đã thuyết.

Dưới đây là phần hai - Răn bảo chư Bồ-tát. Trong đó chia làm năm phần: 1. Bồ-tát ở Đông phương.

**Kinh:** Bồ-tát Ma-ha-tát Kim cang Thủ ở phương Đông, tay cầm chày Kim cang, phóng ra hào quang xanh, cùng với bốn câu chi Bồ-tát đến hộ trì nước đó.

Giải thích: “Kim cang” kinh Kim cang đánh Du-già bản phạm nói: có đủ cả hai nghĩa: kiên cố, bén nhọn. Cả năm Bồ-tát đều nương theo hai loại luân để hiện thân. 1. Pháp luân hiện chơn thật thân: thân báo đặc do tu hạnh nguyện; 2. Giáo lệnh Luân thị hiện thân: do khởi đại bi mà khởi thân uy mãnh. Bồ-tát Kim cang Thủ đó tức chính là Bồ-tát phổ Hiền oai nghi dữ tợn.

“Tay cầm chày Kim cang”: là do chánh trí khởi, giống như Kim cang có thể chặt đứt Ngã pháp vi tế chướng, nương theo giáo lệnh Luân thị hiện thân oai thị hiện ba đầu tám tay hàng phục tất cả trời Ma-hê-thủ-la, ở cõi Trời Đại Tự tại các chúng ma quân điều phục những người làm hại chánh pháp, nã hại chúng sanh.

“Phóng hào quang xanh”: là khả năng trừ diệt chúng ma.

“Bốn câu chi”: một câu chi là như kinh Hoa Nghiêm quyển bốn mươi lăm, phẩm A-tăng-kỳ nói: một trăm Lạc Xoa thành một câu chi, tức là bằng trăm ức ở nước Đại Đường.

Dưới đây là phần hai - Bồ-tát ở Nam phương.

**Kinh:** Bồ-tát ở Nam phương, Ma-ha-tát Kim cang Bảo, tay cầm

Ma ni Kim cang, phóng ra hào quang sắc trắng, cùng bốn câu chi Bồ-tát đến hộ trì nước đó.

Giải thích: “Kim Cang bảo” như kinh kia nói: là Bồ-tát Hư không Tạng nương theo pháp luân trước hiện Thân trắng Diệu, tu các hành Đàn (bố thí).

“Tay cầm Ma ni Kim cang”: là Thể tịnh kiên mật giống như Kim cang tức chính là Kim cang Như ý bảo, các hữu tình cầu gì được nấy. Nương theo Giáo lệnh Luân hiện thân oai Nộ, Cam lộ quân tra lợi Kim cang thị hiện tám tay hàng phục tất cả A-tu-la viêm ma, quyến thuộc các quỷ thần ác, não hại hữu Tình hành bệnh ôn dịch khiến cho điều phục.

“Phóng hào quang sắc trắng”: là nói khả năng trừ diệt các Tu la. Cùng với Nam phương Tăng trưởng Thiên vương và đem vô lượng chúng Trà bện trà. Tiết Lệ Đa chúng mà làm quyến thuộc.

Dưới đây là phần bốn - Bồ-tát ở Tây phương.

**Kinh:** Bồ-tát, Kim cang Lợi Ma-ha-tát ở Phương tây tay cầm kiếm Kim cang, phóng ra hào quang sắc vàng, cùng bốn câu chi Bồ-tát đến hộ trì nước đó.

Giải thích: “Kim cang Lợi” như kinh kia nói là Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi nương pháp Luân trước hiện thân Trắng Diệu, chánh trí viên mãn, đắc tự tại. “Tay cầm kiếm Kim cang”: là nói về những tác dụng của Bồ-tát đó. Có thể đoạn dứt chướng tự tha câu sinh, nương theo pháp lệnh luân, hiện làm oai nộ thân, Lục Túc Kim cang, sáu đầu sáu tay cỡi trên trâu nước, hàng phục tất cả các rồng độc dữ và mưa gió ác tổn hại hữu tình, khiến cho điều phục.

“Phóng hào quang sắc vàng”: là nói trừ rồng dữ... cùng với Tây phương Quảng Mục Thiên vương và đem vô lượng chư Long phú Đon Na chúng mà làm quyến thuộc.

Dưới đây là phần bốn - Bồ-tát ở Bắc phương.

**Kinh:** Bồ-tát Ma-ha-tát Kim cang Dược Xoa ở phương Bắc, tay cầm linh Kim cang, phóng ra hào quang sắc, lưu ly, cùng bốn câu chi Dược xoa đến hộ trì nước đó.

Giải thích: Tiếng phạm gọi là Dược Xoa, tiếng Hoa gọi là Oai Đức. Lại dịch là tận vì có thể tận hết các oán như kinh kia nói: Tồi Nhất Thiết Ma Oán Bồ-tát (Bồ-tát bẻ gãy tất cả Ma ám) nương theo pháp luân trước hiện thân sự trắng diệu và trí viên mãn đắc tự tại.

“Tay cầm linh Kim cang” một tiếng linh đánh thức giác ngộ hữu tình, biểu thị cho dùng Bát-nhã để cảnh tỉnh quần mê. Nương theo Giáo

lệnh Luân hiện làm thân Kim cang oai nộ thanh tịnh, thị hiện thân có bốn tay, hàng phục tất cả các Dực Xoa đáng sợ, thường ngày đêm tìm cách đoạt tinh khí của Người, làm hại hữu tình. Bồ-tát khiến họ điều phục.

“Phóng hào quang sắc lưu ly? Là nói trừ diệt các Dực xoa cùng Đa văn Thiên vương ở Bắc phương kia và vô lượng Dực xoa, vô lượng chúng La Sát mà làm quyến thuộc.

Dưới đây là phần năm - Bồ-tát ở phương giữa.

**Kinh:** Bồ-tát Ma-ha-tát Kim cang Ba-la-mật đa ở phương giữa, tay cầm Kim cang luân, phóng ra hào quang năm sắc, cùng bốn câu chi Bồ-tát đến hộ trì nước đó.

Giải thích: “Kim cang Ba-la-mật-đa” tiếng Hoa gọi là Đáo Bỉ Ngạn như kinh kia nói: là Bồ-tát chuyển pháp Luân, nương theo pháp Luân trước hiện thân thảng diệu hạnh nguyện viên mãn Trú Đẳng Giác vị.

“Tay cầm Kim cang luân”: là Tỳ-lô-giá-na Phật khi mới thành chánh giác xin chuyển pháp luân để biểu thị. Lại nữa, dùng pháp luân để hóa Đạo hữu tình khiến vô số lượng đến bờ giác ngộ nương theo giáo lệnh Luân hiện làm oai Nộ chẳng động Kim cang, hàng phục tất cả Quỷ my hoặc loạn các chướng não khiến cho điều phục.

“Hào quang Ngũ sắc”: là tỏ có đủ chúng đức phá các ám trên. Dưới đây là phần ba - Lập tượng cúng dường.

**Kinh:** Năm vị Bồ-tát Ma-ha-tát đó, mỗi vị cùng với vô lượng đại chúng như vậy, ở trong nước ông làm đại lợi ích, nên lập hình tượng mà cúng dường họ.

Giải thích: Văn dễ hiểu. Dưới đây là phần hai - Bồ-tát kính thờ. Trong có ba phần: 1- Bồ-tát kính thờ.

**Kinh:** Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Kim cang Thủ... liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật rồi đứng qua một bên.

Giải thích: Nói về kính thờ. Dưới đây là phần hai - Tỏ nơi có kinh

**Kinh:** Bạch Phật: Bản nguyện của chúng con là nương theo thần lực Phật ở mười phương thế giới, tất cả quốc độ, nếu nơi nào có thọ trì đọc tụng, giải nói kinh này, con sẽ cùng với quyến thuộc như vậy, trong khoảnh khắc một niệm, liền đến chỗ đó, hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp.

Giải thích: “Bản nguyện chúng con”: 1. Tức là bản nguyện; 2. Tức là nương thần lực Phật. “Trong khoảnh khắc một niệm”: là nói về sự

nhánh chóng kiến lập thủ hộ pháp Bát-nhã. Dưới đây là phần ba - Trừ tai nạn.

**Kinh:** Khiến cõi nước đó, không có tai nạn, chiến tranh dịch bệnh, tất cả đều trừ.

Giải thích: Hai câu trước là nêu, hai câu sau là liệt kê.

Dưới đây là phần hai - Nói pháp Hộ quốc. Trong đó có hai phần:

1. Tổ có Thắng pháp; 2. thuyết Đà-la-ni.

Trong phần một lại có hai phần: 1. Tổ có pháp thù thắng.

**Kinh:** Thế Tôn! Con có Đà-la-ni có thể gia trì ủng hộ. Đó là gốc của tất cả Phật, là môn tu hành mau chóng.

Giải thích: “Đà-la-ni”: tiếng Hoa gọi là Tổng Trì. Thần lực gia trì oai linh không gì bằng, trừ tà diệt ác, gọi là Đà-la-ni.

“Có thể gia trì ủng hộ”: nghĩa là ủng hộ gia trì chủ Quốc vương kiến lập chánh pháp và ở đâu có thọ trì. “Đó là...”: Đà-la-ni đó là mật nói Thật Tướng Bát-nhã và Quán chiếu Bát-nhã, Phật từ đó mà sinh ra, nhân ở đó mà thành Phật tức là Môn xuất sinh mau chóng.

Dưới đây là phần hai - Nói về Trừ tai nạn.

**Kinh:** Nếu người nghe được, vừa qua ở tai, toàn bộ tội chướng tất đều tiêu diệt, huống nữa là còn tụng tập, khiến cho thông lợi, nhờ oai lực của pháp khiến cả cõi nước mãi không có các nạn.

Giải thích: “Toàn Bộ tội chướng”: Nghĩa là nếu vừa nghe thì ba chướng đều diệt huống nữa là tụng tập tu hành thông lợi thì nước nhà làm gì có tai nạn. Dưới đây là phần hai - Thuyết Đà-la-ni. Trong đó chia làm hai phần: 1. Đồng thuyết.

**Kinh:** Liền ở trước Phật, khác miệng cùng âm, thuyết Đà-la-ni:

Giải thích: Nói về đồng thuyết. Dưới đây là phần hai. Thuyết Đà-la-ni. Trong đó chia làm hai phần: 1. Tam quy y; 2. Tông chỉ, trong phần một lại có hai phần. 1. Nêu chung về Tam quy.

**Kinh:** Na-mô-la-đát-na-đát-la-dạ-da.

Giải thích: Tiếng phạm là na mô, tiếng Hoa gọi là Quy mạng. Tiếng phạm là La-đát-na tiếng Hoa dịch là Bảo. Tiếng phạm là Đát-la-dạ-da tiếng Hoa dịch là Tam, kia thì Quy mạng Bảo Tam. Đây thì Quy mạng tam bảo. nghĩa là do trì kinh tụng Đà-la-ni là Mật Ngữ, gọi là Quy mạng Tam bảo. Từ đoạn này về sau, được đối chiếu dịch giải theo bản tiếng phạm kinh Tam tạng Kim cang Đỉnh Du-già. Như kinh kia nói; Người quy y Phật Đà thì được chư Phật năm vị Bồ-tát cùng tất cả các quyến thuộc Bồ-tát đều đến gia Hộ. nghĩa là chư Bồ-tát tôn kính tâm Bồ-đề, thấy người phát tâm Bồ-đề quy y Phật, thì thường gia hộ, Quy y

Đạt Ma thì đắc được đế Thích cùng các quyền thuộc tứ Thiên vương đều đến gia hộ. nghĩa là, do thời xưa Vua đế Thích bị nạn nguy hiểm được pháp Bát-nhã gia hộ mà được ích, cho nên thường tôn kính. Quy y Tăng già thì được sắc cứu cánh Thiên, Ngũ tịnh cư thường tôn kính. cùng các quyền thuộc đều gia hộ. Nghĩa là chư Bồ-tát và Thanh văn tăng ở trong cõi trời kia trú hiện pháp lạc cho nên thường tôn kính.

Dưới đây là phần hai - Nói riêng về Tam quy. Trong đó chia làm hai phần: 1. Quy Phật Bảo.

**Kinh:** Na-mô, a-lý-dạ, phệ-lộ-giả-na-dã, đát-tha-đọa-đa-dạ, la-ha-đế, tam-miệu-tam-một-đà-dã.

Giải thích: “Na-mô” là Quy mạng còn gọi là khể thủ, còn gọi là Đảnh lễ. “A-lý-dạ”: tiếng Hoa gọi là Thánh. “Phệ-lộ-giả-na-dã”: tiếng Hoa gọi là Biến Chiếu còn gọi là Đại Nhật, như mặt trời ở thế gian không chiếu thế giới khác, chỉ được gọi là Nhật chứ không được gọi là Đại. Tỳ-lô-giả-na, gọi là Đại Nhật là sắc thân pháp thân khắp cả pháp giới, mười phương thế giới đều chiếu sáng. Nếu người xưng danh Quy mạng lễ bái thì được pháp giới chư Phật, Bồ-tát Thánh Hiền tám bộ gia trì hộ vệ. “Đát-tha-đọa-đa-dạ”: tiếng Hoa gọi là Như Lai. “La-ha-đế”; tiếng Hoa gọi là ứng cúng còn gọi là hại oán, còn gọi là Bất sinh. “Tam Miệu”: tiếng Hoa gọi là chánh. “Tam-một-đà-dã”: tiếng Hoa gọi là Đẳng giác thuận theo ngôn ngữ của Nước Đường này thì gọi là: “Quy Mạng Thánh Giả Biến Chiếu Như Lai ứng cúng chánh Đẳng giác”: tức là Bản sư. Ở đây thiếu pháp bảo vì trong phần Tông chỉ sau Nói chi tiết về pháp bảo, cho nên ở đây lược bớt. Dưới đây là phần hai - Quy Tăng Bảo.

**Kinh:** Na-mô-a-lý-dã, tam-mãn-đa, bạt-nại-la-dã-mạo, địa-tát- đát-phước-dã-ma-ha-tát-đát-phước-dã-ma-hạ-ca-lo-ni-ca-dã.

Giải thích: “Na mô”: như trên. “A-lý-dã” là Thánh. “Tam-mãn- đa”: là phổ, còn gọi là Biến. Còn gọi là Đẳng. “Bạt-nại-la”: tiếng Hoa gọi là Hiền. Nói về chữ “Dã”: là nương theo thanh mà tổ pháp, là thanh thứ tư trong tám chuyển thanh. Có nghĩa là “Vi”. Vì kia mà tác lễ, cho nên gọi là vi. Các chữ Dã ở phần sau đều theo đó mà biết. nghĩa là Bồ-tát đó thuyết môn Tam Mật nói rộng về hạnh nguyện. Nếu có chư Phật không tu môn Tam Mật, không nương theo hạnh nguyện phổ Hiền mà đắc thành Phật; thì không có việc đó. Nếu đã thành Phật mà có sự ngừng nghĩ ở môn Tam Mật hạnh nguyện Phổ Hiền thì cũng không có việc đó. Cho nên bảo là Quy mạng.

“Mạo địa tát đát phước dã”: cũ gọi là Bồ-đề nay gọi là Mạo địa,

gọi theo cách cũ là Tát-đỏa. Nay gọi là tát đất phước. Trong năm chữ đó, ở nước này lược bớt bỏ bớt ba chữ chỉ gọi là Bồ-tát

“Ma hạ tát đất phước dã”: tiếng Hoa gọi là Đại Dũng Mãnh.

“Ma hạ ca lô ni ca dã” tiếng Hoa gọi là Đại Bi

Thuận với ngôn ngữ ở vùng này (Trung Hoa) là Quy Mạng Bạc Thánh Phổ Hiền Bồ-tát bậc Đại Dũng Mãnh, Đại Bi do quy y đó mà được chư Phật, Bồ-tát mười phương gia hộ. nghĩa là chư Phật, Bồ-tát tu môn Tam Mật hành hạnh Phổ Hiền, được chứng thù thắng quả cho nên thường gia hộ. Trên là đã nói về quy y Phật tăng.

Dưới đây là phần hai - Chánh nói về Tông chỉ. Trong đó chia làm ba phần. 1. Quán Hạnh; 2. Tam Mật Môn; 3. Quả Đức. Trong phần một văn lại chia làm hai phần: 1- nêu chung về Sở Vi.

**Kinh:** Đất nhĩ dã tha.

Giải thích: Tiếng Hoa gọi là “Sở Vi”, thời cổ gọi là Tức thuyết. Dưới đây là phần hai - Rộng nói về Quán hạnh. Có mười sáu câu trong đó chia làm ba phần. 1. Gồm mười hai câu, nói riêng về Nhân vị; 2. Có hai câu tổ chung về Quả vị; 3. Có hai câu nói về Phật, Bồ-tát Mẫu.

Trong phần một nói về Nhân, văn chia làm bốn phần: 1. Bản Hậu Trí; 2. Thật Tướng Trí; 3. Nhị Lợi Trí; 4. Đại Phổ Hiền Địa. Trong phần một Bản Hậu Trí văn lại chia hai phần: 1. Căn bản Trí; 2. Hậu Đắc Trí.

Trong phần một văn lại chia hai phần: 1. Trí Đăng cú (câu).

**Kinh:** Chỉ-nhượng-na-bát-la-nhĩ-bế.

Giải thích: Tiếng phạm Chỉ-nhượng-na, tiếng Hoa dịch là Trí. Bát-la-nhĩ-bế dịch là Đăng (Đèn) do đến trí đó mà phá tan bóng tối vô minh. Du-già chú thích rằng: dùng vô sở Đắc Trí làm phương tiện. Vô trí vô đắc tức thành đèn Trí Bát-nhã Ba-la-mật-đa chiếu khắp tất cả pháp giới vô phân biệt.

**Kinh:** A-khất-xoa-dã-cú thể.

Giải thích: Chữ “A” là hô thượng thanh, tiếng Hoa dịch là Vô. Nhưng trong bản phạm chữ A này vì tùy theo thanh nhiều lúc hô là chữ Ác, chữ ác. Chữ Ồ ở trên kinh tức là chữ A này.

“Khất xã dã”: tiếng Hoa dịch là Tận.

“Cú thể”: tiếng Hoa gọi là Tạng tức là Trí Đăng trên là Tạng vô Tận.

Du-già giải thích rằng: chữ A là chủng tử, chủng tử có hai nghĩa: 1. Dẫn sinh; 2. Nhiếp trì đến phần sau sẽ rõ. Nói chữ “A” là thuyên bày nghĩa tất cả pháp vốn bất sinh mà chữ A là mẹ của các chữ, có thể sinh

ra các chữ. Nếu đắc A tự Môn thì đắc vô tận pháp Tạng của chư Phật ngộ các pháp bản lai bất sinh, do như hư không, một Tướng thanh tịnh bình đẳng không hai tức chính là căn bản vô phân biệt Trí.

Dưới đây là phần hai - Hậu đắc cú.

**Kinh:** Bát-la-để-bà-na-phước-để.

Giải thích: “Bát-la-để-bà-na”: tiếng Hoa gọi là Cụ thuận theo tiếng Hoa là cụ Biện Tài. Du-già giải thích rằng: Chữ bát-la là chủng tử. Chữ bát-la là thuyên Bát-nhã Ba-la-mật đa vô sở đắc, do chứng chư pháp bản lai bất sinh mà đắc vô tận pháp Tạng của chư Phật. ở trong Hậu Đắc trí có đủ cả bốn vô Ngại giải, biện thuyết tự tại.

Dưới đây là phần hai - Thật Tướng Trí. Văn có bốn Câu: 1. Thật Tướng Cú.

**Kinh:** Tát-phước-một-đà-phước-lô-chỉ-đế.

Giải thích: Tát Phước: tiếng Hoa gọi là Nhất Thiết. Một Đà: tiếng Hoa gọi là Giác. Phước-lô-chỉ-đế; tiếng Hoa gọi là sở Quán. Tức là Thật Tướng mà tất cả Phật đã Quán. Du-già giải thích rằng: chữ Tát là Chủng Tử, Chữ Tát là thuyên bày nghĩa tất cả pháp bình đẳng. Người Trú Du-già thì Năng duyên và Sở duyên đều bình đẳng, Trí chứng chơn Lý, nhập dòng pháp tức đồng với vô biên, là cảnh sát của chư Phật. Dưới đây là phần hai - Viên Thành cú.

**Kinh:** Du-nga-bì-lý-nhĩ-sáp-bì-ninh.

Giải thích: “Du nga”; cũ gọi là Du-già, tiếng Hoa gọi là tương ứng. “Bì-lý-nhĩ-sáp-bì-ninh”: tiếng Hoa gọi là Viên thành, viên mãn. Thành Thật gọi là viên thành. Thuận theo tiếng Hoa nói là viên thành tương ứng.

Du-già giải thích: Chữ Du là chủng tử, chữ du là thuyên bày tất cả Thừa vô sở đắc. Quán Trí tương ứng chứng lý viên thành, tức là giáo lý hạnh Quả ở các Thừa đều chứng đắc cùng một chơn pháp Tính. Dưới đây là phần ba - Thâm Thâm cú.

**Kinh:** Nghiêm-tị-la-nỗ-la-phước-nga-hệ.

Giải thích: “Nghiêm Tị La”: Tiếng Hoa gọi là Thâm Thâm (rất sâu).

“Nỗ-la-phước-nga-hệ”: Tiếng Hoa gọi là Nan trắc (khó lường).

Du-già giải thích; chữ nghiêm là chủng tử. Chữ Nghiêm là thuyên bày pháp Chơn Như, không đến không đi, tính lìa ngôn thuyên. Duy chỉ tự giác Thánh Trí lìa Tướng mà chứng đắc cho nên bảo là thâm sâu khó lường.

Dưới đây là phần bốn - Tam Thế viên thành cú.

**Kinh:** Để Lý-dã-trì-phước-bì-lý-nhĩ-sáp-bì-ninh.

Giải thích: “Để lý dã trì phước”; tiếng Hoa gọi là Tam thế (ba đời).

“Bì-lý-nhĩ-sáp-bì-ninh”: Tiếng Hoa gọi là Viên thành. Tức là Tam thế viên Thành. Du-già giải thích ba chữ “để-lý-dã”: là một chữ phạm làm chủng tử, để thuyên bày tất cả pháp Chơn như bình đẳng vô số công đức tự thành tựu, pháp chơn như đó, tuy khắp tất cả nhưng thể chẳng phải là thời gian mà quá khứ hiện tại, vị lai là từ hư vọng mà Sinh. Đó là thuộc về Hành uẩn bất tương ứng, nhiếp bởi hành uẩn, Đó là Hữu vi, cho nên chơn Như tuy là khắp nhưng không đồng với hữu vi.

Dưới đây là phần ba - Nhị lợi Trí, văn có bốn cú: 1. Bồ-đề tâm cú.

**Kinh:** Mạo-địa-chất-đa-tán-nhạ-na-nhĩ.

Giải thích: “Mạo địa chất đa”: Tiếng Hoa gọi là chánh giác tâm, “Tán Nhã Na Nhĩ”: Tiếng Hoa gọi là Năng sinh. Thuận theo tiếng Hoa là: Tam Thế viên thành trên có thể sinh ra tâm Bồ-đề. Du-già giải thích rằng: chữ “Mạo” làm chủng tử, chữ Mạo là thuyên về nghĩa tất cả pháp không có trói buộc. Nếu biết rõ tự tánh của tâm Bồ-đề trong chính thân mình thì thành tựu ba đời bình đẳng cũng như hư không. Nếu lìa bỏ tất cả tướng thì có thể biết rõ tâm của tất cả Hữu tình và tâm của chư Phật đều như tự tâm, bản lai thanh tịnh, thì khởi đại bi thâm sâu sinh ra thương xót, nhiều loại phương tiện khiến các hữu tình Lìa khổ giải thoát đạt đến cứu cánh không trói không mở, Đó mới là tâm Bồ-đề rộng lớn.

Dưới đây là phần hai - Quán Đảnh cú.

**Kinh:** Tát-phước-Tỳ-li-ca-Tỳ-sắc-ngật-đế.

Giải thích: “Tát-phước-Tỳ-li-ca”: Tiếng Hoa gọi là Nhất thiết Quán đảnh.

“Tỳ-sắc-ngật-đế”: Tiếng Hoa gọi là sở quán

Hội ý dịch là: dùng pháp Quán đảnh mà Rưới đảnh đầu. Pháp Quán Đảnh thì theo kinh kia có năm thứ: Mũ báu, Án khế nước, ánh sáng, danh hiệu mà Quán Đảnh.

Du-già giải thích: chữ tát làm chủng tử. Chữ Tát là thuyên bày nghĩa tất cả pháp không có nhiễm trước. Do Quán tâm tự tha và chư Phật đồng một chơn như, nên đặc đồng thể bi, do đó đạt được không nhiễm không chấp trước và được mưa pháp của tất cả chư Phật mười phương quán đảnh, nghĩa là trong địa thứ mười, Địa nào cũng được pháp quán đảnh thù thắng tối thượng, ba nghiệp gia trì mà đối với vô

lượng Tu-đa-la diễn thuyết tự tại, Lợi Tha rộng lớn.

Dưới đây là phần ba - Pháp hải xuất sinh cú. (Câu “biển pháp sinh ra”).

**Kinh:** Đạt-ma-bà-nga-la-tam-bộ-đế.

Giải thích: “Đạt ma”: Tiếng Hoa gọi là pháp. “Bà la nga”: Tiếng Hoa gọi là Hải. “Tam bộ đế”: là xuất Sinh... Nghĩa là: từ Biển pháp xuất sinh ra ngộ giải không chướng ngại, không gián đoạn.

Vô Ngại giải, vô Đoạn tận.

Du-già giải thích rằng: chữ Đạt làm chủng tử, thuyên bày tất cả pháp nhiệm tịnh thể của cả hai đều chẳng thể có được, dùng chánh Thể Trí đoạn dứt câu sinh Trí chướng trong Bản Thức, thì thành pháp Hải, chảy ra giáo pháp, làm lợi lạc rộng lớn.

Dưới đây là phần bốn - Vô gián Thính văn cú.

**Kinh:** A-mộ-già-thất-la-phước-ninh.

Giải thích: Chữ “A”: là hô ngẩn Thượng thanh. “Mộ già” tiếng Hoa dịch là vô gián đoạn, cổ dịch là Bất không, là sai. “Thất-la-phước-ninh”: Tiếng hoa dịch là “văn” nghe thuận theo tiếng này dịch là: ở chỗ bày chư Phật lắng nghe không gián đoạn. Du-già giải thích: Nay nương theo thanh mà Luận nói, giải thích vô gián. Chữ A làm chủng tử, thuyên chư pháp Bản lai tịch tịnh, Bản lai Niết-bàn, do chứng pháp này, biến khắp pháp giới, quốc độ chư Phật, đại tập trong hội, nên đối với giáo pháp đã nghe từ chư Phật trước đây đều đã nhớ trì mãi mãi không quên.

Dưới đây là phần bốn - Đại Phổ Hiền Địa cú.

**Kinh:** Ma-hạ-tam-mãn-đa-bạt-nại-la-bộ-di-niết-lý-dã-đế.

Giải thích: “Ma-hạ”: là tiếng Hoa dịch đại. “Tam-mãn-đa”: là phổ. “Bạt-nại-la”: là hiền. “bộ-di”: là tiếng Hoa dịch địa. “Niết-lý-dã đế”: là tiếng Hoa dịch xuất sinh. Thuận theo tiếng hoa câu này là: từ các hành nguyện đã tu ở các Địa trước có thể xuất sinh ra Địa Đại phổ Hiền này, tức là Đẳng giác Địa sau Thập Địa.

Trong Du-già, từ phàm đến Thánh gồm có địa thứ tư: 1. Thắng giải Hạnh Địa, gọi chung là tiếng Hoa dịch Địa tiên; 2. Phổ Hiền hạnh Nguyện Địa, gọi chung cho cả địa thứ mười; 3. Đại phổ Hiền Địa tức là Đẳng giác Địa; 4. Phổ Chiếu Diệu Địa tức là thành tựu Chánh giác Địa. Theo kia giải thích là: chữ ma làm chủng tử thuyên bày tất cả pháp, Ngã pháp không. Nghĩa người hành Du-già, đoạn chướng vi tế, chứng Ngã pháp không, tức là vượt qua Đại phổ Hiền. Địa chứng chiếu diệu thành Đẳng chánh giác phước và Trí trang nghiêm, thọ dụng thân và pháp

thân đều viên mãn.

Trên là đã nói về Nhân, tiếp theo là phần hai. Nói về Quả vị. Văn có hai cú: 1. Quả viên mãn cú.

**Kinh:** Vỹ-dã-yết-la-nỗ-bì-lý-bát-la-bì-nhĩ.

Giải thích: Năm chữ đầu, tiếng Hoa gọi là Thọ ký. Sáu chữ sau là hoạch đắc (thu hoạch được) Thuận theo tiếng Hoa câu này dịch là thu hoạch được thọ ký, tức chính là Trước đắc thọ ký, nay được đầy đủ.

Du-già giải thích rằng: chữ Vỹ dã làm chủng tử, chữ Vỹ Dã là thuyên tất cả pháp rốt ráo cuốn cùng chẳng thể đạt được. Do Quả viên mãn, cứu cánh cuối cùng chứng đắc tất cả các pháp tự Tính là tịch tịnh, tự tính Niết-bàn. Năng chứng và sở chứng đều đồng một Tính, bất tăng chẳng giảm thường viên mãn.

Dưới đây là phần hai - Lễ kính cú.

**Kinh:** Tát-phước-tát-đà-na-ma-tắc-ngật-lý-đế.

Giải thích: “Tát-phước-tát-đà”: Tiếng Hoa dịch là người thành tựu tức Bồ tát Thập Địa. “Na-ma-tắc-ngật-lý-đế”: tiếng Hoa gọi là Tác Lễ. Lễ có hai nghĩa: 1. Lễ pháp Bát-nhã kia; 2. Lễ Người Thành chánh giác. Vì có đủ cả hai nghĩa đó, cho nên bậc Thập Địa là nơi mình làm lễ.

Du-già giải thích: Chữ Tát là chủng tử, chữ Tát là thuyên bày nghĩa Sinh diệt. Ở trong chữ tát, có chữ A thuyên về nghĩa vô sinh. Nhưng do chứng chữ A trong quả vị, nên thể bất sinh bất diệt, thường kiên cố, giống như Kim cương Thắng dụng tự tại, tức có thể hiện khắp vô biên ứng hóa, nhiều loại lợi lạc thị hiện có sinh có diệt nhưng thật ra là vô sinh vô diệt.

Ở trên đã nói về quả. Dưới đây là phần ba - Mẹ của chư Phật, Bồ- tát. Văn có hai cú: 1. Xuất sinh Bồ-tát cú.

**Kinh:** Tát-phước-mạo-địa, tát-đát-phước, tán-nhã-na-nhĩ.

Giải thích: “Tát phước”: tiếng Hoa gọi là nhất thiết (tất cả)

“Mạo-địa-tát-đác-phước”: tiếng Hoa gọi là Bồ-tát. “Tán-nhã-na-nhĩ”: là xuất sinh. Thuận với tiếng Hoa là: xuất sinh tất cả Bồ-tát.

Dưới đây là phần hai - Phật Thế Tôn Mẫu cú.

**Kinh:** Bà-nga-phước-đế-một-đà-ma-đế.

Giải thích: “Bà Nga phước đế”: tiếng Hoa dịch là cụ phúc giả (người đầy đủ phước). Hội ý dịch là Thế Tôn. “Một đà?” là tiếng Hoa dịch giác. Ma đế: là Mẫu. Thuận theo tiếng Hán là Phật Thế Tôn Mẫu. Bà già phạm là tiếng xưng hô Nam, Bà Nga phước đế là tiếng xưng hô nữ, hội ý cả hai dịch là Thế Tôn. Nếu nương theo thanh dịch theo nghĩa

đối thì, Bà già dịch là phá, phạm dịch là Năng, Năng phá bốn Ma, gọi là Bà già phạm. Lại nói Bạch-a-phạm theo thanh minh luận chia chữ mà giải thích thì; bạch là phá, A: là vô sinh, phạm mà phá phiền não, cho nên Phật Thế Tôn bất sinh bất diệt, bất Lai bất khứ, bất Nhất bất Di, bất thường chẳng đoạn, bất tăng bất giảm. Có đủ các đức như vậy gọi là Bạch-a-phạm. Lại nữa, Bạch-già-phạm; Bạch gia: là phúc Trí, phạm dịch là cụ. Hội ý dịch là: do có đủ phúc và trí trang nghiêm mãn túc gọi là Bạch-già-phạm cũng là Nam Thanh.

Du-già giải thích rằng: chữ Bà làm chủng tử chữ Bà là thuyên về tất cả pháp có chẳng thể đạt được, do tâm nhiễm cho nên có sanh tử, do tâm tịnh mà có Niết Bàn hai kia Là tâm đều chẳng thể đạt được, nghĩa là do Bát-nhã mà sinh ra liễu Nhân thì có thể sinh ra tất cả chư Phật cho nên gọi là Mẫu. Mười sáu câu trên như trong kinh Du-già cũng thuộc mười sáu Hạnh Phổ Hiền.

Dưới đây là phần hai - Tam mật Môn.

**Kinh:** A-la-nhĩ-la-nhĩ, a-la-nỗ-ca-la-nhĩ.

Giải thích: Mười chữ đó, nghĩa của chúng rất thâm mật, chỉ có Phật mới biết được. Nếu theo chữ mà giải thích thì cũng có thể gọi là ba nghiệp thanh tịnh. A Tự Môn là thuyên tất cả pháp bản lai bất sinh. La tự Môn là thuyên về nghĩa tất cả pháp Ly trần. Nhĩ Tự Môn là thuyên về Tất cả pháp vô Tránh, do bởi biết chư pháp vô sinh, cho nên Ly trần, do ly trần mà đắc vô tránh gọi là A La Nhĩ. Ca tự Môn là thuyên về tất cả pháp vô tạo tác. La Tự Môn là thuyên về nghĩa tất cả pháp thanh tịnh. Nhĩ Tự Môn là thuyên về nghĩa tất cả pháp vô tránh, do bởi biết chư pháp không có tạo tác cho nên thanh tịnh, do thanh tịnh mà đắc vô tránh gọi là Ca La Nhĩ. A Tự Môn là thuyên tất cả pháp Bản Lai Tịch Tĩnh, La Tự Môn thuyên tất cả pháp vô cấu, Nỗ Tự Môn là thuyên tất cả pháp vô tránh. Do Biết chư pháp tịch tịnh cho nên vô cấu do vô cấu mà đắc vô tránh, gọi là A La Nỗ. Ca tự Môn là thuyên tất cả pháp vô tạo tác. La Tự Môn là thuyên tất cả pháp vô phân biệt. Nhĩ Tự Môn là thuyên tất cả pháp vô động, do biết chư pháp vô tạo tác cho nên vô phân biệt, do vô phân biệt mà chẳng động, do chẳng động mà chứng Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật đa, đắc vô Trú Đạo gọi là Ca la Nhĩ. Dưới đây là phần ba - kết. Quả Đức.

**Kinh:** Ma-ha-bát-la-chỉ-nhương, bá-la-nhĩ-đế-sa-phước-hạ.

Giải thích: “Ma hạ”: là tiếng Hoa dịch Đại. Bát La chỉ Nhưong: tiếng Hoa gọi là Cực trí. Bá La Nhị đế: nghĩa là Ly, Đáo. Dựa theo thanh minh luận phân câu mà giải thích. Ba Lam Y (thượng thanh) Đa Y đa là

Thử Ngạn. Bá lam: là Bỉ Ngạn. Nương đại cực trí lia sinh tử Bồ này đến Niết-bàn bờ kia. Đắc vô Trú Đại Niết-bàn Sa-phước-hạ: là bờ này đến Niết-bàn bờ kia, đắc vô Trú xứ Đại Niết-bàn. Sa Phước-hạ: tiếng Hoa gọi là thành tựu, còn gọi là cát tường, còn có nghĩa là viên tịch, còn có nghĩa là dứt tai nạn tăng ích, còn có nghĩa là vô trú. Nay ở đây lấy nghĩa vô Trú tức chính là vô Trú Niết-bàn. Nương theo Niết-bàn đó cho đến tận vị lai lợi lạc hữu tình không bao giờ hết gọi là Sa Phước-hạ.

Ở trên nói chữ chủng tử là có hai nghĩa: 1. Dẫn đến, sinh ra; 2. Nhiếp trì. Như mười chữ hợp thành một câu, dùng chữ thứ nhất mà làm chủng tử. Lại chín chữ sau là toàn bộ Quán Trí, chữ đầu tiên là dẫn sinh, chín chữ sau thâm nhiếp vào dựa vào chữ đầu tức chính là chữ đầu nhiếp trì chín chữ còn lại. Do đó mà nói; nếu biết một pháp tức biết tất cả pháp. Nếu biết một pháp không tức biết tất cả pháp không. Nếu có thể đối với một chữ, chuyên chú Quán sát tu các hành nguyện thì tất cả Hạnh nguyện đều đạt được viên mãn, tức là nghĩa của Đà-la-ni Tổng Trì. Lại nữa, những nghĩa sai biệt ở trên là thâm nhiếp mười sáu câu của văn trường hàng bên trên, nhiếp mười sáu câu thành mười hai chữ, nhiếp mười hai chữ thành mười chữ đó, nhiếp mười chữ đó quy về một chữ Địa, từ rộng đến lược dần dần thâm sâu. Một chữ hiện tiền, vòng khắp pháp giới, tính tướng Bình Đẳng đến ngôi vị cứu cánh.

Dưới đây là phần ba - Thế Tôn ấn thuật.

**Kinh:** Bấy giờ! Đức Thế Tôn nghe thuyết chú đó rồi, tán thán các Bồ-tát Kim cang Thủ... Lành thay! Lành thay! Nếu có người trì tụng Đà-la-ni này, Ta và chư Phật mười phương đều thương gia hộ. Các quỷ thần xấu ác đều kính trọng người đó như Phật, không lâu sẽ đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Giải thích: “Lành thay! Lành thay!”: là lời ấn chứng chư Phật đồng hộ tôn kính mẹ, Quỷ thần kính ngưỡng vì oai lực của pháp. Sẽ đắc Bồ-đề là đạt quả thù thắng. Dưới đây là phần ba - Các vua được ích. Trong đó chia làm ba phần: 1. Nêu các Quốc vương.

**Kinh:** Đại vương! Ta đem kinh này giao phó cho các ông. Nước Tỳ-xá-ly, nước Kiều-tát-la, nước Thất-La-phiệt, nước Ma-già-đà, nước Ba-la-ni-tư, nước Ca-tỳ-la, nước Câu-thi-na, nước Kiều-thiểm-di, nước Ban-già-la, nước Ba-tra-la, nước Mạt-thổ-la, nước Ô-thi-ni, nước Bôn-Tra-bạt-đa, nước Đề-bà-bạt-đa, nước Ca-thi, nước Thiệm Ba, tất cả các Quốc vương như vậy đều nên thọ trì Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Trao cho các Quốc vương, khiến thọ trì, tôn kính an lập chánh pháp, mãi mãi không có các nạn, mười sáu nước lớn liệt kê

ở trong này hơi khác với kinh cũ, phạm âm khác với kinh Đại Tập, phần Nguyệt Tạng quyển mười sáu và Luận Đại Tỳ Bà-sa quyển một trăm hai mươi bốn.

Dưới đây là phần hai - Đại chúng kinh ngạc, tán thán.

**Kinh:** Lúc này, các đại chúng A-tu-la v.v... nghe Phật nói rõ về các chuyện tai nạn, lòng thân đều dựng đứng, cất tiếng xướng: Nguyện cho chúng ta vào đời vị lai không sinh nơi nước đó.

Giải thích: “Lúc ấy”, chư đại chúng”; là nêu chung. “A-tu-la,...”; là nêu riêng. “Tai nạn”: là bảy nạn. Vì thời trước ác nên nhân bảy nạn, các nghiệp ác tăng “không sinh nước đó”: có hai nghĩa: Đại Bi phương tiện, chê chẳng nguyện sinh và Báo lực thấp kém, thật sự chẳng nguyện sinh.

Dưới đây là phần ba - Các vua được ích.

**Kinh:** Khi ấy, mười sáu Quốc vương liền xả bỏ ngôi vua, xuất gia tu đạo, có đủ cả tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ, đắc Phục nhẫn, Tín nhẫn, vô sinh pháp nhẫn.

Giải thích: “Xả bỏ Ngôi vua”: là thật sự bỏ ngôi vua có, thân tùy xuất gia là xả bỏ tâm cao Ngạo ở Ngôi vua, phát tâm Bồ-đề tức là xuất gia “Tám Thắng xứ...” như trên đã giải thích.

**Kinh:** Bấy giờ, tất cả đại chúng người, trời, A-tu-la... đều tung rải hoa Mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Bà-sư-ca, Hoa-tô-mạn na, để cúng dường Phật, tùy theo chủng tính mà đắc ba môn giải thoát, sinh không, pháp không, pháp phần Bồ-đề.

Giải thích: “Bấy giờ, tất cả...” là chúng cùng nghe. Hai loại hoa đầu là loại hoa trời, hai loại sau ở cõi người. Những hoa đó nếu là Hoa Thật thì như văn đã rõ. Nếu là hoa biến hiện thì theo như giải trước sẽ rõ. “Tùy theo chủng tính”: là chủng tính thuộc Tam Thừa. “Đắc ba Thoát Môn và sinh không”: là thông cả Tam thừa đều đắc. “Pháp không”: là chỉ có Đại Thừa Đắc. “Bồ-đề phần pháp”: cũng thông cả Tam Thừa nhưng pháp Bát-nhã thì đắc quả cả Tam thừa, như kinh Đại Bát-nhã quyển năm trăm chín mươi ba nói; Thiện Dững Mãnh nói; “Duy nguyện Thế Tôn, thương xót chúng con”: vì chúng con mà tuyên thệ này đây đủ cảnh trí của Như Lai. Nếu loài Hữu tình bậc thuộc Tính thanh văn thừa quyết định, khi nghe pháp này rồi, thì mau chóng có thể chứng đắc địa vô lậu của tự mình, thuộc Độc giác Thừa Tính quyết định, khi nghe pháp này rồi thì mau chóng nương theo tự thừa mà được xuất ly, thuộc vô thượng thừa Tính quyết định nghe pháp này rồi thì mau chóng chứng vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, cho đến những người Tam thừa, tính bất

định khi nghe pháp này rồi mau chóng phát tâm vô thượng chánh Đẳng giác. “Tức là pháp Bát-nhã chẳng phải chỉ Đại Thừa mà cũng khiến nhị thừa đắc tự quả.

Dưới đây là phần hai - Bồ-tát được ích, vẫn lại chia làm hai phần:

1. Được các nhân thù thắng.

**Kinh:** Vô lượng vô số Bồ-tát Ma-ha-tát rải hoa Câu vật đầu. hoa Ba đầu ma mà cúng dường Phật, vô lượng Tam muội thấy đều hiện tiền, được trụ thuận nhân, vô sinh pháp nhân.

Giải thích: Chúng Bồ-tát nhiều, nên gọi là vô lượng số. Rải hai thứ hoa san màu đỏ, màu hồng. “Tam muội và nhân”; thì như trên đã giải thích.

Dưới đây là phần hai - Hiện thân thành Phật.

**Kinh:** Vô lượng vô số Bồ-tát Ma-ha-tát, đắc hằng hà sa các môn Tam muội, chơn Tục bình đẳng, có đủ vô ngại giải, thường khởi đại bi, ở trăm vạn ức A-tăng-kỳ Phật sát vi trần số thế giới, rộng lợi chúng sanh hiện thân thành Phật.

Giải thích: “vô lượng,...” Là nói về Bồ-tát rộng lớn. “Hằng hà sa Tam muội”: là Tam muội rất nhiều. “Chơn Tục,...”; là cảnh đế; nói về Bi, có đủ Đức. “Vi trần số thế giới...” là đều được ích nhờ nghe pháp

-----